

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN : ... QUẢN TRỊ HỌC ...
LỚP : KINH TẾ NGOẠI THƯƠNG 21 - KHÓA 21: CHÍNH QUY - BẬC: TCCN
Giảng viên phụ trách : .. NGUYỄN ... NGỌC ...

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm KT (hệ số 1)	Điểm KT (hệ số 2)	T.Bình Kiểm tra học phần	Điểm thi kết thúc học phần	Điểm học phần (ghi bằng số)	Điểm học phần (ghi bằng chữ)	Ghi chú
			(.1)	(.2)	(.3)	(.4)	(.5)	(.6)	
1	Trịnh Hùng	An	13/05/91			0		0.0	Không
2	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/11/90	9	7	8	7	7.5	Bảy rưỡi
3	Lê Hoàng	Anh	18/03/92	0		0		0.0	Không
4	Nguyễn Phi	Âu	05/06/91	0	7	5	7	6.0	Sáu chẵn
5	Nguyễn Thanh	Bình	05/11/92	8	6	7	6	6.5	Sáu rưỡi
6	Hồ Thị Ngọc	Bình	20/11/92	9	6	7	3	5.0	Năm chẵn
7	Dương Chí	Công	08/07/88	7	6	6	6	6.0	Sáu chẵn
8	Nguyễn Thị Phương	Châu	17/05/92	9	6	7	5	6.0	Sáu chẵn
9	Nguyễn Phúc	Chinh	16/04/90	6	5	5		2.5	Hai rưỡi
10	Lê Thị Thu	Diễm	01/01/92	8	6	7	6	6.5	Sáu rưỡi
11	Trương Thị Thùy	Dung	01/01/90			0		0.0	Không
12	Võ Lê Thùy	Dung	05/11/92	5	5	5	7	6.0	Sáu chẵn
13	Nguyễn Trường	Duy	20/07/89	6	5	5		2.5	Hai rưỡi
14	Huỳnh Thị Kim	Duyên	27/09/91	5	6	6	4	5.0	Năm chẵn
15	Khuông Thùy	Dương	25/09/92	6	6	6	5	5.5	Năm rưỡi
16	Đỗ Anh	Đào	25/02/90	5	6	6	2	4.0	Bốn chẵn
17	Phạm Quốc Thiên	Đạt	25/04/91	6	5	5	4	4.5	Bốn rưỡi
18	Nguyễn Tấn	Điền	27/06/89	0		0		0.0	Không
19	Nguyễn Thị Hoài	Đức	10/12/92	6	7	7	3	5.0	Năm chẵn
20	Lê Thành	Được	16/10/91	9	8	8	5	6.5	Sáu rưỡi
21	Nguyễn Thành	Được	30/03/90	6	5	5		2.5	Hai rưỡi
22	Nguyễn Thị	Gám	02/08/92			0		0.0	Không
23	Hồ Văn	Giỏi	12/02/92	5	6	6	6	6.0	Sáu chẵn
24	Nguyễn Kim	Hà	24/10/92	6	6	6	5	5.5	Năm rưỡi
25	Trần Đình	Hải	20/09/88	7	6	6	5	5.5	Năm rưỡi
26	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	25/06/91	6	5	5	5	5.0	Năm chẵn
27	Trần Mỹ	Hào	07/05/92	0		0		0.0	Không
28	Nguyễn Kim Thế	Hiển	12/04/85			0		0.0	Không

	Họ và Tên		Ngày sinh	Điểm KT	Điểm KT	T. Bình	Điểm thi	Điểm	Điểm	Ghi chú
				(hệ số 1)	(hệ số 2)	Kiểm tra	kết thúc	học phần	học phần	
				(.1)	(.2)	học phần	học phần	(ghi bằng số)	(ghi bằng chữ)	
				(.1)	(.2)	(.3)	(.4)	(.5)	(.6)	
29	Phan Thị	Hiếu	25/06/91	6	7	7	4	5.5	Năm rưỡi	
30	Lê Phùng	Hiếu	24/02/91			0		0.0	Không	
31	Nguyễn Tường	Hóa	04/10/89	6	6	6	5	5.5	Năm rưỡi	
32	Trần Tuấn	Hùng	01/09/91	5	5	5	5	5.0	Năm chẵn	
33	Hoàng Văn	Hùng	19/12/88	5	6	6		3.0	Ba chẵn	
34	Phạm Thị Thanh	Huyền	05/11/90			0		0.0	Không	
35	Lý Ngọc	Huỳnh	12/12/91	6	6	6		3.0	Ba chẵn	
36	Lê Như	Huỳnh	18/02/92	8	8	8	6	7.0	Bảy chẵn	
37	Đặng Thị	Hương	22/05/92	6	6	6	6	6.0	Sáu chẵn	
38	Lê Thị Oanh	Kiều	24/10/91	8	8	8	6	7.0	Bảy chẵn	
39	Tiên	Kiều	28/02/90	5	6	6	3	4.5	Bốn rưỡi	
40	Phan Tuấn	Khanh	06/08/90	0	7	5	4	4.5	Bốn rưỡi	
41	Bùi Thị Ngọc	Liễu	16/11/90	5	6	6	6	6.0	Sáu chẵn	
42	Đặng Thị Thùy	Linh	20/02/89	8	6	7		3.5	Ba rưỡi	
43	Nguyễn Hương	Linh	05/06/92			0		0.0	Không	
44	Nguyễn Trúc	Linh	05/06/91	6	6	6	6	6.0	Sáu chẵn	
45	Nguyễn Mai Tùng	Linh	22/09/90	7	5	6		3.0	Ba chẵn	
46	Ong Thị Cẩm	Loan	14/04/92	6	6	6	5	5.5	Năm rưỡi	
47	Nguyễn Minh	Luân	25/05/91	9	7	8	7	7.5	Bảy rưỡi	
48	Nguyễn Đại	Lượng	08/11/92	5	6	6	6	6.0	Sáu chẵn	
49	Văn Thị Tường	My	13/02/91	10	7	8	7	7.5	Bảy rưỡi	
50	Nguyễn Thị Kim	Ngân	30/09/92	9	5	6	7	6.5	Sáu rưỡi	
51	Huỳnh Thị Kim	Ngân	26/02/92			0		0.0	Không	
52	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	13/12/91			0		0.0	Không	
53	Nguyễn Văn	Ngoan	00/00/91	6	5	5	5	5.0	Năm chẵn	
54	Lý Thị Bảo	Ngọc	01/04/89			0		0.0	Không	
55	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	23/11/90			0		0.0	Không	
56	Nguyễn Quốc	Ngọc	12/09/91			0		0.0	Không	
57	Nguyễn Thị	Nguyệt	02/04/88	9	6	7	5	6.0	Sáu chẵn	
58	Hà Văn	Nhật	07/02/90	5	10	8		4.0	Bốn chẵn	
59	Đàm Thị Yến	Nhi	04/05/92	7	5	6	5	5.5	Năm rưỡi	
60	Nguyễn Minh	Nhật	05/10/91			0		0.0	Không	
61	Nguyễn Hữu	Phi	04/08/92	5	6	6		3.0	Ba chẵn	
62	Phạm Hồng Thiên	Phú	24/04/92	5	5	5	5	5.0	Năm chẵn	

